

Số: 02/2023/QĐST-HNGĐ

Hải An, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Cao Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: P1 nhà 18 Bách Khoa, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1975; địa chỉ: A19 khu Hải Quân, phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Cao Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Cao Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc B cùng thuận tình ly hôn (Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Bi, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 31/7/2003; số 93; Quyền số 01.2003);

- Về nuôi con chung: Giao con chung Cao Minh Tr, sinh ngày 08/9/2007 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Cao Văn T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Ngọc B là 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng chẵn*)/01 mỗi tháng, tính từ tháng 01/2023 đến con chung trưởng thành đủ 18 tuổi **hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.**

Đối với con chung Cao Minh Tu, sinh ngày 14/7/2003 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị B cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Cao Văn T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T và chị B cùng xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Cao Văn T tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng); trả lại cho anh T 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án **số 0004825 ngày 14/12/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An;
- Các đương sự (để thi hành);
- **UBND phường Cát Bi, Hải An, Hải Phòng;**
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, Văn phòng

THẨM PHÁN

Đặng Văn Tuyền